

NGHIÊN CỨU, SỬ DỤNG PROMPT CHATGPT SOẠN GIÁO ÁN ĐIỆN TỬ TRONG DẠY HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC

Trần Văn Thế

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Như Toàn

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) đang ngày càng chứng tỏ tiềm năng to lớn trong lĩnh vực giáo dục. Bài báo này khám phá các ứng dụng tiềm năng của việc sử dụng prompt (lệnh nhắc) với ChatGPT trong môi trường dạy học đại học. Các ứng dụng chính bao gồm hỗ trợ giảng viên chuẩn bị nội dung bài giảng, tạo bài tập và đánh giá sinh viên, cũng như hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu. Bài viết cũng thảo luận về những thách thức liên quan đến tính chính xác, đạo đức, khả năng tiếp cận và sự phụ thuộc vào trí tuệ nhân tạo, đồng thời đưa ra một số cân nhắc cho việc tích hợp hiệu quả công cụ này vào giảng dạy đại học. Việc sử dụng prompt hiệu quả với ChatGPT có thể giúp nâng cao hiệu quả dạy và học, cải thiện trải nghiệm học tập và giảm tải công việc hành chính cho giảng viên.

Keywords: ChatGPT; dạy học đại học; prompt; trí tuệ nhân tạo.

Nhận bài ngày 05.08.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.10.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Như Toàn; email: nntoan@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ 4.0, việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào giáo dục là một xu thế không thể đảo ngược [6]. Trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang mở ra những cơ hội mới trong giáo dục, giúp nâng cao chất lượng dạy và học cũng như tối ưu hóa các quy trình [1]. Đặc biệt, sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) như ChatGPT đã thu hút sự chú ý lớn. ChatGPT có khả năng tạo ra các cuộc trò chuyện tự động và trả lời các câu hỏi về nhiều chủ đề, lĩnh vực khác nhau, thậm chí đóng vai trò như đồng tác giả trong nghiên cứu khoa học [6]. Công cụ này có thể sáng tạo nên đa dạng các câu trả lời cho cùng một nội dung, giúp người học có quyền chọn lọc những đáp án phù hợp với bản thân. Trong môi trường đại học, nơi việc nghiên cứu khoa học và giảng dạy chuyên sâu đóng vai trò trung tâm, tiềm năng ứng dụng của ChatGPT, thông qua việc sử dụng các prompt hiệu quả là rất lớn. Bài báo này sẽ đi sâu phân tích cách giảng viên (GV) và sinh viên (SV) đại học có thể tận dụng prompt ChatGPT để cải thiện các khía cạnh khác nhau của quá trình dạy và học.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số lý thuyết cơ bản

AI trong giáo dục (AIED) đã được phát triển theo hướng linh hoạt, toàn diện, cá nhân hóa, hấp dẫn và hiệu quả. Các dạng thức AI hỗ trợ giáo dục bao gồm giúp cá nhân hóa lộ trình học tập, đa dạng hóa cách thức truyền tải nội dung, trợ lý ảo cho GV và SV (chatbot), hỗ trợ kiểm tra đánh giá và tích hợp vào quản lý hệ thống hạ tầng giáo dục [1]. Chatbot đóng vai trò như các trợ lý, giúp GV rất nhiều công việc đơn giản nhưng lại tiêu tốn thời gian như truyền tải kiến thức, giải đáp thắc mắc, lưu trữ thông tin, theo dõi quá trình học tập của SV. Việc sử dụng chatbot giúp GV có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin cũng như đặt

câu hỏi liên quan đến bài học để mang lại những thông tin chính xác trong thời gian ngắn nhất [5]. ChatGPT là một trong những ứng dụng AI tạo sinh nổi bật. Nghiên cứu của Sharma và cộng sự cho thấy đây là một AI góp phần nâng cao hiệu quả học tập bằng cách giúp người học trả lời câu hỏi về nhiều vấn đề khác nhau, cung cấp cho người dùng những ý tưởng thú vị, từ đó nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến. Khảo sát SV đại học của Castillo và cộng sự cũng cho thấy họ thích trao đổi với ChatGPT vì công cụ này có khả năng cung cấp những câu trả lời trực tiếp, được lập trình với một tập hợp các nguồn thông tin cụ thể và các quy tắc để tạo ra những phản hồi cho từng câu hỏi.

Trong khoa học giáo dục, việc ứng dụng công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), cần được đặt trong khung lý thuyết vững chắc nhằm đảm bảo không chỉ đổi mới về công cụ mà còn nâng cao hiệu quả học tập. Một số tiếp cận lý luận có thể soi sáng cho việc sử dụng prompt ChatGPT như:

Thuyết kiến tạo (Constructivism): Theo Piaget và Vygotsky, người học chủ động kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm và tương tác xã hội. Prompt ChatGPT có thể được xem như một phương tiện kích thích người học đặt câu hỏi, tìm kiếm thông tin và đối thoại, từ đó xây dựng tri thức mới. Việc thiết kế prompt phù hợp giúp tạo môi trường học tập “vùng phát triển gần nhất” (Zone of Proximal Development – ZPD), nơi người học nhận được sự hỗ trợ vừa đủ để phát triển năng lực cao hơn [14] [16].

Học tập trải nghiệm (Experiential Learning – Kolb): Lý thuyết này nhấn mạnh chu trình học tập qua trải nghiệm – phản tư – khái quát – vận dụng. Prompt ChatGPT có thể đóng vai trò “tình huống trải nghiệm giả lập”, từ đó khuyến khích sinh viên suy ngẫm, đổi chiều kiến thức, và áp dụng vào thực tiễn. Ví dụ, yêu cầu ChatGPT mô phỏng một kịch bản nghiên cứu khoa học hoặc một tình huống nghề nghiệp sẽ giúp sinh viên rèn luyện năng lực phân tích và giải quyết vấn đề [7] [12].

Khung TPACK (Technological Pedagogical Content Knowledge): Để tích hợp công nghệ hiệu quả, giảng viên cần phối hợp hài hòa ba yếu tố: nội dung (CK), phương pháp (PK) và công nghệ (TK). Việc sử dụng prompt ChatGPT đòi hỏi giảng viên không chỉ nắm rõ chuyên môn và phương pháp mà còn hiểu cách thức AI tạo sinh hoạt động, từ đó khai thác công cụ này để làm giàu nội dung dạy học và đổi mới phương pháp giảng dạy [11] [13].

Mô hình SAMR (Substitution – Augmentation – Modification – Redefinition): Prompt ChatGPT có thể được định vị ở nhiều mức độ: (i) Thay thế (Substitution) – dùng AI như một nguồn tra cứu thay cho tài liệu truyền thống; (ii) Bổ sung (Augmentation) – cung cấp phản hồi tức thời cho người học; (iii) Điều chỉnh (Modification) – thiết kế hoạt động học tập mới như mô phỏng, tranh biện với AI; và (iv) Tái định nghĩa (Redefinition) – tạo ra những trải nghiệm học tập chưa từng có, ví dụ như lớp học ảo tương tác theo kịch bản AI [10] [15].

Siêu nhận thức và tư duy phản biện (Metacognition & Critical Thinking): Prompt ChatGPT có thể được sử dụng như công cụ rèn luyện siêu nhận thức: sinh viên tự đặt câu hỏi, so sánh câu trả lời từ AI với nguồn học thuật, và điều chỉnh cách tiếp cận. Việc này thúc đẩy năng lực phản biện, giảm nguy cơ lệ thuộc thụ động vào AI [8] [9].

Tóm lại, cơ sở lý luận cho thấy việc khai thác prompt ChatGPT không chỉ là ứng dụng kỹ thuật mà còn phải gắn với định hướng sư phạm rõ ràng. Đây là nền tảng để các đề xuất các ứng dụng và được triển khai phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học trong kỷ nguyên số, vừa đảm bảo phát triển năng lực cốt lõi cho SV.

2.2. Ứng dụng Prompt ChatGPT trong dạy học ở đại học

Việc sử dụng các prompt phù hợp cho phép người dùng khai thác tối đa khả năng của

ChatGPT. Trong dạy học đại học, prompt ChatGPT có thể được ứng dụng trong nhiều hoạt động khác nhau cho cả GV và SV. Để thiết kế prompt hiệu quả cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản như sau: (i) Rõ ràng và cụ thể; (ii) Cung cấp bối cảnh; (iii) Xác định vai trò; (iv) Định dạng/độ dài mong muốn; (v) Yêu cầu kiểm chứng và tư duy phản biện.

2.2.1. Hỗ trợ GV

GV có thể sử dụng ChatGPT để giảm tải công việc hành chính và tập trung vào việc giảng dạy tương tác với SV.

2.2.1.1. Lập kế hoạch bài học và tìm kiếm thông tin

GV có thể sử dụng prompt để yêu cầu ChatGPT lập kế hoạch bài học chi tiết. ChatGPT có khả năng nghiên cứu và thu thập nội dung cũng như liên kết có liên quan cho các bài học, giúp GV tiết kiệm thời gian nghiên cứu.

Ví dụ:

1/ “Provide me with reliable sources and information on the topic of [topic] for my upcoming [subject] lesson”.

(“Cung cấp cho tôi những nguồn và thông tin đáng tin cậy về chủ đề [tên chủ đề] cho bài học [tên bài học] sắp tới của tôi.”)

2/ “Provide me with a lesson plan template or a suggested outline for teaching the topic of [topic] to [grade level] students”.

(“Cung cấp cho tôi mẫu giáo án hoặc đề cương gợi ý để dạy chủ đề [tên chủ đề] cho sinh viên [cấp lớp]”).

3/ “I am teaching the [topic] in [subject]. Generate a hypothetical scenario for [topic/issue] and provide details and potential implications for the topic”.

(“Tôi đang dạy [chủ đề] trong [môn học]. Tạo một kịch bản giả định cho [chủ đề/vấn đề] và cung cấp thông tin chi tiết cũng như những tác động tiềm ẩn cho chủ đề đó”).

4/ “I’m introducing the [concept] in my [subject] class. Provide additional insights, examples, and real-world applications to help students explore and grasp the concept more thoroughly”.

(“Tôi đang giới thiệu [khái niệm] trong lớp [môn học] của mình. Cung cấp thêm thông tin chi tiết, ví dụ và ứng dụng thực tế để giúp sinh viên khám phá và nắm bắt khái niệm kỹ lưỡng hơn”).

ChatGPT cũng có thể lên giáo án chi tiết hoặc đề xuất nội dung phù hợp dựa trên chương trình học và trình độ SV.

2.2.1.2. Tạo nội dung đa phương tiện và ý tưởng giảng dạy

AI tạo sinh như ChatGPT có khả năng sáng tạo nội dung dựa trên bộ dữ liệu sẵn có, trở thành công cụ hữu ích trong quá trình đưa ra ý tưởng mới trong giảng dạy [3]. GV có thể sử dụng prompt để tìm kiếm ý tưởng xây dựng kịch bản cho video bài giảng.

Ví dụ:

1/ “Recommend any educational apps or tools that are suitable with teaching [grade level and subject] on [topic]”.

(“Đề xuất bất kỳ ứng dụng hoặc công cụ giáo dục nào phù hợp với việc giảng dạy [cấp lớp và môn học] về [chủ đề]”).

2/ “I am working on [project/problem]. Generate some innovative ideas and potential approaches to address this project/problem”.

(“Tôi đang thực hiện [dự án/vấn đề]. Tạo ra một số ý tưởng sáng tạo và cách tiếp cận tiềm năng để giải quyết dự án/vấn đề này”).

3/ “I am teaching my students to research on [topic]. Suggest some key approaches, research methods and data collection techniques for my students”.

(“Tôi đang dạy sinh viên của mình nghiên cứu về [chủ đề]. Đề xuất một số cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật thu thập dữ liệu chính cho sinh viên của tôi”).

Từ ý tưởng đó, có thể yêu cầu ChatGPT triển khai thành một kịch bản hoàn chỉnh. ChatGPT cũng có thể giúp tạo câu chuyện ngắn, lời kể, trò chơi. Ngoài ra, prompt có thể được sử dụng để tạo danh sách lời nhắc nghệ thuật cho các công cụ tạo hình ảnh AI, hỗ trợ thiết kế hình ảnh minh họa cho chuyên đề bài giảng.

2.2.1.3. Thiết kế slide và tài liệu trực quan

Các công cụ AI như Canva AI (kết hợp với Canva), Gamma,... có thể được sử dụng để tạo bài giảng trực quan, slide đẹp và có hình ảnh minh họa.

Ví dụ:

1/ “I’m working on a presentation about [topic]. Generate a presentation slide deck of [number of slides] which covers [subtopics] and includes relevant supporting information, statistics, and examples”.

(“Tôi đang làm bài thuyết trình về [chủ đề]. Tạo một bộ trang trình bày gồm [số trang trình bày] bao gồm [các chủ đề phụ] và bao gồm thông tin, số liệu thống kê và ví dụ hỗ trợ có liên quan”).

2/ “I’m designing slides for [topic/purpose]. Provide me with ideas and inspiration for visual layouts, color schemes, and slide structures that will effectively convey my message and captivate the audience”.

(“Tôi đang thiết kế các trang trình bày cho [chủ đề/mục đích]. Cung cấp cho tôi ý tưởng và nguồn cảm hứng về bố cục hình ảnh, cách phối màu và cấu trúc trang trình bày để truyền tải thông điệp của tôi một cách hiệu quả và thu hút khán giả”).

3/ “I am preparing a presentation slide deck on [topic]. Recommend relevant visual media, such as images, videos, infographics, or multimedia elements that will enhance the visual appeal and effectively convey the key concepts to the audience”.

(“Tôi đang chuẩn bị một slide thuyết trình về [chủ đề]. Đề xuất phương tiện trực quan có liên quan, chẳng hạn như hình ảnh, video, đồ họa thông tin hoặc các yếu tố đa phương tiện sẽ nâng cao sức hấp dẫn trực quan và truyền tải hiệu quả các khái niệm chính đến khán giả”).

4/ “I want to generate a mind map for the [topic]. Create a visual representation that captures the key concepts, subtopics and their relationships”.

(“Tôi muốn tạo bản đồ tư duy cho [chủ đề]. Tạo một bản trình bày trực quan để nắm bắt các khái niệm chính, chủ đề phụ và mối quan hệ của chúng”).

2.2.1.4. Thiết kế bài tập và câu hỏi

ChatGPT có thể hỗ trợ tạo ra bài tập, câu hỏi. Prompt có thể là yêu cầu ChatGPT cung cấp lời giải thích đơn giản về một chủ đề/khái niệm cho SV ở cấp lớp nhất định.

Ví dụ:

1/ “Provide a simple explanation of [topic/concept] for my students of [grade level]”

(“Cung cấp lời giải thích đơn giản về [chủ đề/khái niệm] cho SV của tôi ở [cấp lớp]”).

2/ “Generate a set of [question type] questions that cover [subtopics, ideas, and concepts] related to this topic? Make it [difficulty level]”.

(“Tạo một bộ câu hỏi [loại câu hỏi] bao gồm [chủ đề phụ, ý tưởng và khái niệm] liên quan đến chủ đề này? Làm ở [mức độ khó]”).

Các công cụ khác như Google Forms hay Quizizz có thể được sử dụng để tạo bài kiểm tra nhanh [4].

2.2.1.5. Hỗ trợ chấm điểm và phân hồi

AI giúp GV thiết lập điều kiện chấm điểm bài thi và tự động cập nhật điểm. AI cũng có

thể chấm bài và chỉ ra lỗi. GV có thể xem thống kê về tỷ lệ đúng sai và cung cấp phản hồi tự động hoặc được cá nhân hóa cho SV.

Ví dụ:

1/ “Create a grading rubric with detailed outline of the criteria and performance levels for [grade level] [subject] class”.

(“Tạo một phiếu tự đánh giá có đề cương chi tiết về các tiêu chí và mức độ thành tích cho lớp [cấp lớp] [môn học]”).

2/ “I’ve noticed some similarities in the writing styles of a few student assignments. Can you help me identify the source or potential plagiarism by providing any matches with external sources for the following two assignments in block quote”.

(“Tôi nhận thấy một số điểm tương đồng trong phong cách viết của một số bài tập của sinh viên. Bạn có thể giúp tôi xác định nguồn hoặc khả năng đạo văn bằng cách cung cấp bất kỳ kết quả trùng khớp nào với các nguồn bên ngoài cho hai bài tập sau trong trích dẫn”).

2.2.1.6. Nâng cao phương pháp giảng dạy và tương tác trong lớp học

Tổ chức thảo luận và tranh biện: GV có thể hướng dẫn học sinh thảo luận, tranh biện các vấn đề dựa trên kiến thức có sẵn và các quan điểm/luồng thông tin từ AI (như ChatGPT). Các mô hình ngôn ngữ lớn như ChatGPT cũng có khả năng tạo ra các hội thoại tự nhiên, có ý nghĩa trong bối cảnh giảng dạy, giúp quá trình giảng dạy không bị gián đoạn và đảm bảo SV tiếp thu kiến thức liên tục.

Ví dụ:

“Engage in a debate with me on the [topic]. Present your side of argument and let’s have a constructive discussion”. (“Tham gia vào một cuộc tranh luận với tôi về [chủ đề]. Hãy trình bày quan điểm của bạn và cùng thảo luận mang tính xây dựng”).

Tạo ra các hoạt động sáng tạo: Sử dụng prompt để tạo ra cốt truyện hoặc kịch bản cho các hoạt động như làm phim ngắn, giúp người học phát triển khả năng đề xuất, lựa chọn giải pháp và tư duy sáng tạo.

Ví dụ:

1/ “Design me an educational game on [topic]. Describe the rules, objectives, learning outcomes, and gameplay mechanics”.

(“Thiết kế cho tôi một trò chơi giáo dục về [chủ đề]. Mô tả các quy tắc, mục tiêu, kết quả học tập và cơ chế chơi trò chơi”).

2/ “Simulate a physics lab in VR, allowing students to manipulate virtual object, conduct experiments, and receive guidance on data collection, analysis, and interpretation”.

(“Mô phỏng phòng thí nghiệm vật lý trong VR, cho phép sinh viên thao tác với vật thể ảo, tiến hành thí nghiệm và nhận hướng dẫn về thu thập, phân tích và giải thích dữ liệu”).

3/ “Simulate a virtual lab environment where students can perform experiments and analyze data for [specific science topic].

(“Mô phỏng môi trường phòng thí nghiệm ảo nơi sinh viên có thể thực hiện thí nghiệm và phân tích dữ liệu cho [chủ đề khoa học cụ thể]”).

2.2.2. Hỗ trợ SV

AI hỗ trợ người học thông qua các công cụ học tập thích ứng, chatbot trợ lý ảo và nền tảng học tập được cá nhân hóa.

2.2.2.1. Giải đáp thắc mắc và cung cấp thông tin

Chatbot và trợ lý ảo có khả năng tương tác với con người thông qua tin nhắn hoặc giọng nói. ChatGPT đóng vai trò như trợ lý, giúp SV tìm kiếm thông tin và đặt câu hỏi liên

quan đến bài học để có được thông tin chính xác trong thời gian ngắn. AI Chatbot đã chứng minh vai trò như một người bạn đồng hành đáng tin cậy, hỗ trợ giảng dạy các kiến thức cơ bản và giúp SV nhanh chóng tiếp cận thông tin mình cần, tập trung vào các chủ đề chưa nắm vững [2].

Ví dụ:

“I’m helping my students revise on [topic]. Recommend some online articles or documentaries that provide a comprehensive overview of the topic and would be helpful for their revision”.

(“Tôi đang giúp sinh viên của mình ôn tập về [chủ đề]. Đề xuất một số bài viết hoặc phim tài liệu trực tuyến cung cấp cái nhìn tổng quan toàn diện về chủ đề và sẽ hữu ích cho việc sửa đổi chúng”).

2.2.2.2. Hỗ trợ giải bài tập và hiểu khái niệm

Trợ lý học tập ảo có thể hỗ trợ giải bài tập hoặc cung cấp giải thích cho các khái niệm phức tạp.

Ví dụ:

1/ “My [grade level] students have an upcoming exam on [topic and subject]. Generate a study guide and summary of the topics we have covered in class, which include [topics taught]”.

(“Sinh viên [cấp lớp] của tôi sắp có bài kiểm tra về [chủ đề và môn học]. Tạo hướng dẫn học tập và tóm tắt các chủ đề chúng tôi đã học trong lớp, bao gồm [các chủ đề được dạy]”).

2/ “I’m helping my students to form study groups. Provide effective strategies on grouping, facilitation as well as assistance in facilitating their discussions”.

(“Tôi đang giúp sinh viên của mình thành lập các nhóm học tập. Cung cấp các chiến lược hiệu quả về nhóm, tạo điều kiện cũng như hỗ trợ tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận của họ”).

3/ “I want to help my students reinforce their understanding of the concepts I have taught in class. Provide us with practice questions, quizzes, or exercises related to [topic], and give immediate feedback on the answers provided”.

(“Tôi muốn giúp sinh viên củng cố sự hiểu biết của họ về các khái niệm tôi đã dạy trên lớp. Cung cấp cho chúng tôi các câu hỏi thực hành, câu hỏi hoặc bài tập liên quan đến [chủ đề] và đưa ra phản hồi ngay lập tức về các câu trả lời được cung cấp”).

4/ “My students have an upcoming exam on [subject]. Share some tips and strategies to improve their performance during exams”.

(“Sinh viên của tôi sắp có bài kiểm tra về [môn học]. Chia sẻ một số mẹo và chiến lược để cải thiện hiệu suất của họ trong các kỳ thi”).

2.2.2.3. Học tập cá nhân hóa

AI giúp cá nhân hóa quá trình học tập và cung cấp tài liệu phù hợp với từng học sinh.

Ví dụ:

“I have a student with [learning style/need]. Recommend specific resources or tools that cater to this learning style”.

(“Tôi có một sinh viên có [phong cách/nhu cầu học tập]. Đề xuất các tài nguyên hoặc công cụ cụ thể phục vụ cho phong cách học tập này”).

2.2.2.4. Hỗ trợ nghiên cứu, tư duy độc lập và sáng tạo

ChatGPT có thể cung cấp ý tưởng cho bài nghiên cứu, viết các dạng nội dung khác nhau. SV có thể sử dụng ChatGPT để viết cốt truyện, sau đó điều chỉnh thông tin cho đúng sự thật lịch sử. Việc này giúp hình thành khả năng thu thập thông tin từ nhiều nguồn và

kiểm tra tính xác thực. ChatGPT có thể sáng tạo nên đa dạng các câu trả lời cho cùng một nội dung, giúp người học có quyền chọn lọc những đáp án phù hợp với bản thân. Thông qua việc xem xét nội dung do ChatGPT tạo ra (dựa trên prompt), SV có thể rèn luyện khả năng thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và kiểm tra tính xác thực của câu trả lời từ AI, hướng đến phát triển khả năng chọn lọc thông tin chính xác.

Ví dụ: Sử dụng ChatGPT như một mô phỏng tác động môi trường để dạy sinh viên cách giảm thiểu thiệt hại môi trường.

“Imagine a scenario where a city is planning to construct a new highway that will cut through a forested area. Can you simulate and describe the potential consequences of constructing the highway on the ecosystem, wildlife habitats, air and water quality, and overall biodiversity? Additionally, provide suggestions for mitigating the environmental damage and promoting sustainable practices in the construction and operation of the highway”.

(“Tuởng tượng một kịch bản mà một thành phố đang có kế hoạch xây dựng một đường cao tốc mới sẽ cắt qua một khu vực rừng. Bạn có thể mô phỏng và mô tả những hậu quả tiềm ẩn của việc xây dựng xa lộ đối với hệ sinh thái, môi trường sống của động vật hoang dã, chất lượng không khí và nước, và đa dạng sinh học nói chung không? Ngoài ra, hãy đưa ra các đề xuất để giảm thiểu thiệt hại môi trường và thúc đẩy thực hành bền vững trong xây dựng và vận hành cao tốc”).

Ví dụ: Tạo ý tưởng thí nghiệm khoa học ngoài sách tham khảo với ChatGPT.

“Generate ideas for science experiments for [subject] related to [topic] that can be conducted in a classroom setting”.

(“Tạo ý tưởng cho các thí nghiệm khoa học cho [môn học] liên quan đến [chủ đề] có thể được tiến hành trong môi trường lớp học”).

Ví dụ: ChatGPT có thể đóng vai trò như một gia sư ảo, cung cấp các tình huống giải quyết vấn đề để kích thích tư duy phản biện.

“Provide a problem on morality to simulate critical thinking skills among students” (“Đưa ra một bài toán đạo đức nhằm rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên”).

2.3. Thách thức và cân nhắc

Mặc dù tiềm năng ứng dụng prompt ChatGPT trong dạy học đại học là rất lớn, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều thách thức cần được cân nhắc.

Tính chính xác và trung thực của nội dung: Các ứng dụng AI tạo sinh như ChatGPT được đào tạo trên lượng lớn dữ liệu có thể chứa nội dung thiếu chính xác hoặc có quan điểm thiên vị, điều đó có thể gây hậu quả rất nghiêm trọng. GV và SV cần có tư duy phản biện và kiểm chứng thông tin do AI cung cấp.

Vấn đề đạo đức và liêm chính học thuật: Có lo ngại về việc SV lạm dụng AI để gian lận, đạo văn. Sự phụ thuộc quá nhiều vào AI có thể làm suy yếu tính toàn vẹn của hệ thống giáo dục và cản trở khả năng tư duy phê phán của SV. Cần có hướng dẫn về cách sử dụng AI có trách nhiệm.

Khả năng tiếp cận: Việc tiếp cận AI đòi hỏi SV cần có máy tính và điện thoại thông minh. Điều kiện học tập (thiết bị điện tử, mạng internet) rất khác nhau giữa các SV ở các địa bàn khác nhau, có thể gây khó khăn cho SV nghèo. Hạ tầng, trang thiết bị, kết nối Internet ở các cơ sở giáo dục cần được rà soát, nâng cấp kịp thời.

Đào tạo GV: Việc tích hợp AI vào giảng dạy đòi hỏi GV phải có kỹ năng sử dụng công nghệ. Cần thiết lập các chương trình đào tạo về AI cho GV để họ hiểu rõ hơn về công nghệ và áp dụng vào giảng dạy.

Bảo mật thông tin và quyền riêng tư: Đây là một xu hướng quan trọng khi ứng dụng

AI. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ AI cần tăng cường mức độ an toàn thông tin.

3. KẾT LUẬN

Việc sử dụng prompt ChatGPT mang lại nhiều tiềm năng cho dạy học ở đại học, từ hỗ trợ GV trong chuẩn bị và đánh giá đến cá nhân hóa trải nghiệm học tập cho SV. Bài báo đã hệ thống hóa các ứng dụng của prompt ChatGPT trong dạy học đại học, minh họa bằng ví dụ cụ thể và đề xuất khung nguyên tắc xây dựng prompt. Công cụ này có thể giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả và tạo ra môi trường học tập linh hoạt, hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả tiềm năng này, cần giải quyết các thách thức về tính chính xác, đạo đức, khả năng tiếp cận và đào tạo. Chúng tôi đề xuất các khuyến nghị: (i) Cung cấp các khóa đào tạo và bồi dưỡng về cách sử dụng công cụ AI vào công việc giảng dạy cho đội ngũ GV; (ii) Xây dựng các hướng dẫn rõ ràng về việc sử dụng AI đúng cách, hiệu quả và có trách nhiệm cho cả GV và SV; (iii) Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị tại các trường đại học để đảm bảo khả năng tiếp cận công bằng cho tất cả SV; (iv) Tập trung vào trải nghiệm học viên và thiết kế nội dung AI dựa trên nhu cầu thực tế của người học; (v) Khuyến khích GV đóng vai trò là người hướng dẫn, giúp SV sử dụng các công cụ AI trong học tập đúng cách thay vì để AI thay thế hoàn toàn vai trò của người thầy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Thùy Dung, Nguyễn Xuân Thanh (2023), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học lịch sử theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh THPT*, Hội thảo Khoa học Quốc gia Cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm lần thứ X.
2. Phạm Đức Minh (2024), *Một số đề xuất ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý kết quả học tập sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: Chuyên đề số - Nâng cao chất lượng đào tạo.
3. Vũ Thị Kim Thanh, Lưu Thủy Chung (2024), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh*, Journal of educational equipment: Applied research, Volume 2, Issue 311 (April 2024), ISSN 1859 – 0810
4. Nguyễn Tất Thắng, Đặng Thị Thu Hà, Lê Đăng Hiệp (2021), *Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số 245, Kỳ 2 - 7/2021.
5. Nguyễn Đăng Thông, Dương Thị Tuyết Mai (2024), *Thực trạng và giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh*, Journal of educational equipment: Applied research, Volume 1, Issue 322 (October 2024), ISSN 1859 – 0810
6. Lê Anh Vinh, Trần Mỹ Ngọc (2024), *Tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đối với hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 20, số 05, năm 2024.
7. Beard, C., & Wilson, J. P. (2018), *Experiential learning: A handbook for education, training and coaching (4th ed.)*, Kogan Page.
8. Flavell, J. H. (1979), *Metacognition and cognitive monitoring: A new area of cognitive-developmental inquiry*, American Psychologist, 34(10), 906–911. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.34.10.906>
9. Facione, P. A. (1990), *Critical thinking: A statement of expert consensus for purposes of educational assessment and instruction (The Delphi Report)*, American Philosophical Association.
10. Hamilton, E. R., Rosenberg, J. M., & Akcaoglu, M. (2016), *The substitution augmentation modification redefinition (SAMR) model: A critical review and suggestions for its use*. TechTrends, 60(5), 433–441. <https://doi.org/10.1007/s11528-016-0091-y>
11. Koehler, M. J., & Mishra, P. (2009), *What is technological pedagogical content knowledge (TPACK)? Contemporary Issues in Technology and Teacher Education*, 9(1), 60–70.

12. Kolb, D. A. (1984), *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.
13. Mishra, P., & Koehler, M. J. (2006), *Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge*, *Teachers College Record*, 108(6), 1017–1054. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9620.2006.00684.x>
14. Piaget, J. (1970), *Science of education and the psychology of the child*, Orion Press.
15. Puentedura, R. R. (2014), *SAMR: A contextualized introduction*, Retrieved from <http://hippasus.com/rrpweblog>
16. Vygotsky, L. S. (1978), *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.

RESEARCH ON THE USE OF PROMPT CHATGPT IN TEACHING AT THE UNIVERSITY LEVEL

Summary: Artificial intelligence (AI), especially large language models (LLMs), is increasingly demonstrating great potential in the field of education. This paper explores potential applications of using prompts with ChatGPT in a university teaching environment. Main applications include assisting lecturers in preparing lecture content, creating assignments and assessing students, as well as supporting students in their learning and research. The paper also discusses challenges related to accuracy, ethics, accessibility, and reliance on AI, and offers some considerations for effectively integrating this tool into university teaching. Using prompts effectively with ChatGPT can help improve teaching and learning efficiency, enhance learning experiences, and reduce administrative workload for instructors.

Keywords: ChatGPT; university teaching; prompt; artificial intelligence.